

Số: 151/NQ-HĐND

Sơn La, ngày 08 tháng 12 năm 2022

NGHỊ QUYẾT

Thông qua danh mục các công trình, dự án cho phép chuyển mục đích sử dụng đất trồng lúa, đất rừng phòng hộ để thực hiện các dự án đầu tư năm 2023 trên địa bàn tỉnh

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH SƠN LA KHÓA XV, KỲ HỌP THỨ SÁU

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Đất đai ngày 29 tháng 11 năm 2013;

Căn cứ Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của 37 Luật có liên quan đến Luật quy hoạch ngày 20 tháng 11 năm 2018;

Căn cứ Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai; Nghị định số 148/2020/NĐ-CP ngày 18 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số Nghị định quy định chi tiết thi hành Luật Đất đai;

Xét đề nghị tại Tờ trình số 223/TTr-UBND ngày 28 tháng 11 năm 2022, Tờ trình số 229/TTr-UBND ngày 06 tháng 12 năm 2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh; Báo cáo thẩm tra số 412/BC-KTNS ngày 06 tháng 12 năm 2022 của Ban Kinh tế - Ngân sách Hội đồng nhân dân tỉnh và thảo luận của Đại biểu Hội đồng nhân dân tại Kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Thông qua danh mục 29 công trình, dự án cho phép chuyển mục đích sử dụng đất trồng lúa, đất rừng phòng hộ để thực hiện các dự án đầu tư năm 2023 trên địa bàn tỉnh. Trong đó:

- Đất trồng lúa 165.677 m² (bao gồm 62.462 m² đất lúa 02 vụ).
- Đất rừng phòng hộ: 123.583 m² (đất chưa có rừng).

(có 01 phụ lục kèm theo)

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. UBND tỉnh tổ chức triển khai, thực hiện Nghị quyết.

2. Thường trực HĐND, các Ban của HĐND, Tổ đại biểu HĐND và đại biểu HĐND tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết.

Nghị quyết này đã được HĐND tỉnh khóa XV, Kỳ họp thứ sáu thông qua ngày 08 tháng 12 năm 2022 và có hiệu lực từ ngày thông qua./.

Nơi nhận: ✓

- Ủy ban Thường vụ Quốc hội, Chính phủ;
- VP Chủ tịch nước, VP Quốc hội, VP Chính phủ;
- Ủy ban Tài chính - Ngân sách của Quốc hội;
- Ban công tác đại biểu của UBTWQH;
- Các Bộ: Tài nguyên và Môi trường; Tư pháp;
- Ban Thường vụ Tỉnh ủy;
- TT HĐND, UBND, UBMTTQVN tỉnh;
- Đoàn ĐBQH tỉnh; Đại biểu HĐND tỉnh;
- Các sở, ban, ngành, đoàn thể;
- TT Huyện ủy, Thành ủy; HĐND; UBND các huyện, thành phố;
- VP: Tỉnh ủy, Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh, UBND tỉnh;
- Trung tâm: Thông tin tỉnh; LTLS tỉnh;
- TT Đảng ủy, HĐND, UBND các xã, phường, thị trấn;
- Lưu: VT, KTNS.

CHỦ TỊCH



Nguyễn Thái Hưng



Phụ lục

DANH MỤC CÔNG TRÌNH, DỰ ÁN CHUYỂN MỤC ĐÍCH SỬ DỤNG ĐẤT THEO ĐIỀU 58 LUẬT ĐẤT ĐAI

(Kèm theo Nghị quyết số 151/NQ-HĐND ngày 08/12/2022 của HĐND tỉnh)

STT	Danh mục dự án	Địa điểm thực hiện dự án	Diện tích thực hiện dự án (m ²)	Nhu cầu sử dụng đất vào các loại đất (m ²)						Nguồn vốn thực hiện	
				Chuyển mục đích sử dụng đất (m ²)	Đất trồng lúa		Đất rừng phòng hộ		Đất khác còn lại hoặc giữ nguyên mục đích (không phải đất trồng lúa, đất rừng PH, đất rừng ĐD)	Văn bản ghi vốn, quyết định chủ trương đầu tư	Nguồn vốn
					Tổng DT	T đó: Đất ruộng lúa 2 vụ	Đất có rừng	Đất chưa có rừng			
1	2	3	4= 5+11	5=6+...9	6	7	8	9	10	11	12
	Tổng		4.802.195	289.260	165.677	62.462		123.583	4.512.935		
	Huyện Sốp Cộp										
1	Bố trí, sắp xếp dân cư tập trung (tại chỗ) bản Nậm Pừn, xã Mường Lèo	Xã Mường Lèo	15.570	15.570				15.570		NQ số 88/NQ-HĐND ngày 29/6/2022 của HĐND tỉnh	MTQG 1719
2	Công an xã Sam Kha	Xã Sam Kha	1.200	1.200				1.200		số 119/NQ-HĐND ngày 31/8/2022 HĐND tỉnh	NS tỉnh
	Huyện Phù Yên										
3	Sửa chữa cấp bách khắc phục hậu quả, thiên tai, đảm bảo giao thông bước 2 đối với Km402+649-Km402+741	Suối Tọ	30.000	6.000	6.000				24.000	số 12188/BGTVT-KCHT ngày 21/11/2022 của Bộ GTVT	NSNN
	Thành phố Sơn La										
4	Di chuyển đường dây 110kV, 35kV mạch kép đoạn Bệnh viện đa khoa Sơn La - TBA 110kV Chiềng Sinh	Phường Chiềng Sinh và xã Chiềng Ngần, thành phố Sơn La	9.220	7.452	991	991		6.460	1.769	số 1406/QĐ-UBND ngày 13/7/2022 của UBND tỉnh	Ngân sách tỉnh
	Huyện Quỳnh Nhai										
5	Bố trí, sắp xếp dân cư vùng thiên tai bản Nậm Ngùa, xã Chiềng Khay	Xã Chiềng Khay	31.548	2.851				2.851	28.697	QĐ số 2669/QĐ-UBND ngày 10/12/2012 của UBND tỉnh	NSNN
6	Bố trí, sắp xếp dân cư vùng thiên tai bản Huổi Ngà, xã Mường Giôn	Xã Mường Giôn	36.203	36.203				36.203		QĐ số 2414/QĐ-UBND ngày 20/10/2011 của UBND tỉnh	NSNN

STT	Danh mục dự án	Địa điểm thực hiện dự án	Diện tích thực hiện dự án (m2)	Nhu cầu sử dụng đất vào các loại đất (m2)						Nguồn vốn thực hiện	
				Chuyển mục đích sử dụng đất (m2)	Đất trồng lúa		Đất rừng phòng hộ		Đất khác còn lại hoặc giữ nguyên mục đích (không phải đất trồng lúa, đất rừng PH, đất rừng ĐD)	Văn bản ghi vốn, quyết định chủ trương đầu tư	Nguồn vốn
					Tổng DT	T đó: Đất ruộng lúa 2 vụ	Đất có rừng	Đất chưa có rừng			
7	Bố trí, sắp xếp dân cư vùng thiên tai sạt lở đất, đá tại bản Bon, xã Mường Chiên (60/NQ-HĐND ngày 08/12/2017)	Xã Mường Chiên	46.905	440				440	46.464	QĐ số 932/QĐ-UBND ngày 08/5/2015 của UBND tỉnh	NS tỉnh
8	Đường GTNT từ xã Cà Nàng (bản Phát) - xã Chiềng Khay (bản Nà Mùn)	Xã Cà Nàng, xã Chiềng Khay	151.900	3.000	3.000	3.000			148.900	số 1845/QĐ-UBND ngày 06/9/2022 của UBND tỉnh	NS trung ương và địa phương
9	Đường từ trung tâm xã đi bản Tôm xã Nậm Ét	Xã Nậm Ét	115.400	2.000	2.000	2.000			113.400	số 1845/QĐ-UBND ngày 06/9/2022 của UBND tỉnh	NS trung ương và địa phương
Huyện Mộc Châu											
10	Đường từ Quốc lộ 43 đi khu dân cư và khu sản xuất bản Là Ngà 2, xã Mường Sang (điều chỉnh DA bãi chôn lấp rác thải)	Xã Mường Sang	26.600	3.435	457			2.978	23.165	số 261/NQ-HĐND ngày 11/3/2021 của HĐND tỉnh; số 272/NQ-HĐND ngày 29/4/2021 của HĐND tỉnh	Nguồn vốn ngân sách tỉnh (bổ sung cân đối)
Huyện Mai Sơn											
11	Di chuyển đường dây 110kV, 35kV mạch kép đoạn Bệnh viện Đa khoa Sơn La - TBA 110kV Chiềng Sinh	Xã Chiềng Mung	655	584	115	115		470	71	số 1989/QĐ-UBND ngày 19/8/2021 của UBND tỉnh	NS tỉnh
Huyện Vân Hồ											
12	Hạ tầng khu nhà ở công nhân Khu công nghiệp Vân Hồ	Xã Vân Hồ	50.000	3.000	3.000				47.000	số 83/NQ-HĐND ngày 10/5/2022 của HĐND tỉnh	NSTU+tỉnh
13	Khu tái định cư phục vụ tuyến đường Hòa Bình - Mộc Châu	Xã Chiềng Yên, xã Mường Men, xã Chiềng Khoa	120.000	40.000	10.000			30.000	80.000	số 80/NQ-HĐND ngày 10/5/2022, số 89/NQ-HĐND ngày 29/6/2022 của HĐND tỉnh	Ngân sách TW, ngân sách tỉnh

STT	Danh mục dự án	Địa điểm thực hiện dự án	Diện tích thực hiện dự án (m2)	Nhu cầu sử dụng đất vào các loại đất (m2)						Nguồn vốn thực hiện	
				Chuyển mục đích sử dụng đất (m2)	Đất trồng lúa		Đất rừng phòng hộ		Đất khác còn lại hoặc giữ nguyên mục đích (không phải đất trồng lúa, đất rừng PH, đất rừng ĐĐ)	Văn bản ghi vốn, quyết định chủ trương đầu tư	Nguồn vốn
					Tổng DT	T đó: Đất ruộng lúa 2 vụ	Đất có rừng	Đất chưa có rừng			
14	Dự án Tuyến đường Hòa Bình - Mộc Châu, đoạn tuyến thuộc địa bàn tỉnh Sơn La (Đường giao thông + cơ sở hạ tầng khác)	Xã Chiềng Yên, xã Mường Men, xã Chiềng Khoa	3.733.000	80.000	80.000				3.653.000	số 80/NQ-HĐND ngày 10/5/2022, số 89/NQ-HĐND ngày 29/6/2022 của HĐND tỉnh	Ngân sách TW, ngân sách tỉnh
Huyện Yên Châu											
15	Bố trí sắp xếp dân cư vùng thiên tai bản Tô Buông, xã Lóng Phiêng	Bản Tô Buông, xã Lóng Phiêng	26.192	18.155	18.155	18.155			8.037	số 1337/QĐ-UBND ngày 01/7/2022 của UBND tỉnh	MTQG vùng đồng bào DTTS miền núi
16	Nhà văn hóa bản Nghè, xã Sập Vạt, huyện Yên Châu	Bản Nghè, xã Sập Vạt	973	973	973	973				số 1337/QĐ-UBND ngày 01/7/2022 của UBND tỉnh	MTQG vùng đồng bào DTTS miền núi
17	Nhà văn hóa bản Chai, xã Chiềng Đông	Bản Chai, xã Chiềng Đông	1.736	1.736	1.736	1.736				số 93/QĐ-UBND ngày 08/2/2022	MTQG vùng đồng bào DTTS miền núi
18	Nhà văn hoá bản Bất Đông xã Sập Vạt	Xã Sập Vạt	1.000	1.000	1.000	1.000				số 723/QĐ-UBND ngày 12/8/2022 của UBND huyện	Chương trình MTQG xây dựng NTM
19	Kho bạc nhà nước huyện Yên Châu	Thị trấn Yên Châu	3.000	3.000	3.000	3.000				số 1488/QĐ-KBNN ngày 04/1/2022 của Kho bạc nhà nước	Ngân sách nhà nước
Huyện Thuận Châu											
20	NVH xã Mường É	Mường É	6.000	1.500				1.500	4.500	88/NQ-HĐND ngày 29/6/2022, số 123/NQ-HĐND ngày 31/8/2022 của HĐND tỉnh	CT MTQG XD NTM
21	Đường vào bản Bay, bản Bon, xã Tông Cọ	Tông Cọ	2.000	1.000	500	500		500	1.000	88/NQ-HĐND ngày 29/6/2022, số 123/NQ-HĐND ngày 31/8/2022 của HĐND tỉnh	CT MTQG giảm nghèo bền vững

STT	Danh mục dự án	Địa điểm thực hiện dự án	Diện tích thực hiện dự án (m2)	Nhu cầu sử dụng đất vào các loại đất (m2)						Nguồn vốn thực hiện	
				Chuyển mục đích sử dụng đất (m2)	Đất trồng lúa		Đất rừng phòng hộ		Đất khác còn lại hoặc giữ nguyên mục đích (không phải đất trồng lúa, đất rừng PH, đất rừng ĐD)	Văn bản ghi vốn, quyết định chủ trương đầu tư	Nguồn vốn
					Tổng DT	T đó: Đất ruộng lúa 2 vụ	Đất có rừng	Đất chưa có rừng			
22	Đường vào bản Lọng Cu, xã Bó Mური	Bó Mური	8.000	4.000	3.000	2.000		1.000	4.000	88/NQ-HĐND ngày 29/6/2022, số 123/NQ-HĐND ngày 31/8/2022 của HĐND tỉnh	CT MTQG giảm nghèo bền vững
23	Điểm TĐC các hộ dân bị ảnh hưởng GPMB để triển khai các dự án trên địa bàn huyện	Chiềng Ly	7.361	7.361	7.361	7.361				29/NQ-HĐND ngày 30/8/2022 của HĐND huyện	Thu tiền SD đất
24	Dự án Điểm du lịch pha đin top	Xã Phông lái	96.225	24.411				24.411	71.815	số 1243/QĐ-UBND ngày 18/6/2020 và số 1949/QĐ-UBND ngày 22/9/2022 của UBND tỉnh	Vốn nhà đầu tư
25	Dự án đầu tư xây dựng công trình Đường dây 220kV Sơn La - Điện Biên	Huyện Thuận Châu	81.621	6.763	6.763	4.004			74.858	QĐ số 191/QĐ-HĐTV ngày 30/11/2020 của Tổng công ty truyền tải điện quốc gia	Nguồn vốn EVNNPT
Huyện Bắc Yên											
26	Bổ trí sắp xếp dân cư vùng nguy cơ gây trượt, sạt lở đất đá tại bản Ngâm, xã Song Pe	Xã Song Pe	148.403	9.437	9.437	9.437			138.966	số 121/NQ-HĐND ngày 21/8/2022 của HĐND tỉnh	Vốn ngân sách tỉnh
27	Dự án sắp xếp, ổn định dân cư Suối Tào, bản Tăng	Xã Chiềng Sại	48.292	5.000	5.000	5.000			43.292	số 88/NQ-HĐND ngày 29/6/2022 của HĐND tỉnh	Ngân sách trung ương
28	Đầu tư chợ xã Song Pe, huyện Bắc Yên	Xã Song Pe	640	640	640	640				số 88/NQ-HĐND ngày 29/6/2022 của HĐND tỉnh	Ngân sách trung ương
29	Nhà văn hóa bản Pe	Xã Song Pe	2.550	2.550	2.550	2.550				số 88/NQ-HĐND ngày 29/6/2022 của HĐND tỉnh	Ngân sách trung ương